

Số 25 /2024/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 15 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý
tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức, lao động
trong các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Ninh Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;
Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;
Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;
Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;
Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;
Căn cứ Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;
Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 69/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân.

Căn cứ Nghị định 115/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức, lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2024 và thay thế Quyết định số 10/2014/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức, lao động tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

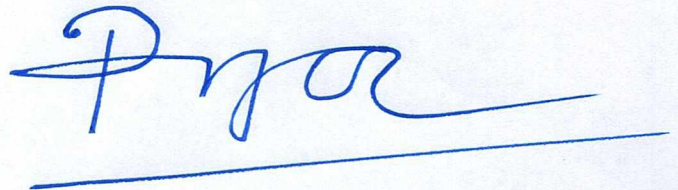
Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các doanh nghiệp Nhà nước;
- Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình;
- Các Hội được giao biên chế;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT, các VP.

LQ_VP7_NV.2024

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Quang Ngọc



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức,
lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Ninh Bình

(Kèm theo Quyết định số: 25./2024/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nguyên tắc quản lý, nội dung quản lý, phân cấp quản lý, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cấp, các ngành và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý tổ chức bộ máy cán bộ, công chức, viên chức, lao động và xây dựng chính quyền ở tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh (sau đây gọi chung là Sở); đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã); các chi cục, tổ chức tương đương chi cục (sau đây gọi tắt là Chi cục), đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện; các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện; Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Bình; Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước, Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ từ hạng III trở xuống, Kiểm soát viên Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trên địa bàn tỉnh, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thuộc tỉnh, Phó Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước hạng II và tương đương trở lên, các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, Giám đốc, Phó Giám đốc Quỹ đầu tư Phát triển tỉnh (sau đây gọi chung là người quản lý doanh nghiệp nhà nước); Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và xây dựng chính quyền ở tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Nguyên tắc, nội dung và phân cấp quản lý

1. Nguyên tắc quản lý

a) Đảm bảo nguyên tắc lãnh đạo của Đảng và phù hợp với các quy định của pháp luật.

b) Phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi tổ chức, cá nhân đảm bảo kịp thời, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu quản lý.

c) Đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cấp, các ngành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

d) Quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức gắn liền với việc tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đồng thời phải đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, xây dựng bộ máy hành chính gọn nhẹ, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng tốt các yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

đ) Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một nội dung thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn; các văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì các nội dung có liên quan được thực hiện theo quy định tại các văn bản mới.

2. Nội dung quản lý bao gồm

a) Tổ chức bộ máy, biên chế.

b) Tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

c) Tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

d) Người quản lý trong các công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước, công ty cổ phần nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình.

đ) Tổ chức, hoạt động và quản lý hội, quỹ.

e) Xây dựng chính quyền địa phương và quản lý cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

3. Phân cấp quản lý

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật; Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện các nội dung tại Chương II Quy định này.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1 TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Tổ chức bộ máy

a) Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Trình Thủ tướng Chính phủ Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, Chi cục và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện (trừ các trường mầm non, trường mẫu giáo, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh).

d) Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, của chi cục và tương đương và của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thuộc Sở, thuộc chi cục và tương đương theo quy định.

đ) Quyết định phê duyệt Đề án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thuộc Sở, thuộc Chi cục và tương đương.

e) Quyết định thành lập Hội đồng quản lý và phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

g) Hướng dẫn cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

2. Về vị trí việc làm

Quyết định phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm trong cơ quan hành chính; Quyết định phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên theo quy định của pháp luật.

3. Về biên chế

a) Tham mưu Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định giao biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý. Hàng năm, xây dựng Báo cáo kết quả công tác quản lý biên chế và đề xuất Kế hoạch sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc khỏi Chính quyền của năm tiếp theo theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

b) Căn cứ Quyết định giao biên chế khỏi Chính quyền của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự

nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

c) Trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định số lượng lao động hợp đồng có thời gian không quá 12 tháng để làm công việc ở vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung tại các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc lĩnh vực sự nghiệp giáo dục và y tế theo quy định.

d) Quyết định giao, điều chỉnh số lượng lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

đ) Cho ý kiến về việc ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ cung cấp dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo dưới 70% chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ về tài chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Quyết định giao biên chế công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

g) Quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý.

h) Chỉ đạo việc thanh tra, kiểm tra, báo cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm về quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc theo quy định.

4. Về doanh nghiệp nhà nước

Quyết định cổ phần hóa, chuyển đổi sở hữu đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước từ hạng III trở xuống, các công ty cổ phần nhà nước nắm giữ trên 50 % vốn điều lệ, phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định cho phép thành lập, tổ chức lại, giải thể đối với đơn vị sự nghiệp ngoài công lập (trừ các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Quy định này).

2. Quyết định xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thuộc Sở, Chi cục và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Quyết định thành lập, kiện toàn, sáp nhập, giải thể tổ chức phối hợp liên ngành theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức bộ máy

a) Đối với các Sở

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức gồm: Văn phòng, thanh tra, phòng chuyên môn, nghiệp vụ, chi cục và tổ chức tương đương thuộc cơ cấu tổ chức của sở; Phòng thuộc cơ cấu tổ chức của chi cục thuộc sở; Văn phòng, phòng, chi cục và tổ chức tương đương thuộc cơ cấu tổ chức của tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; các tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, thuộc Chi cục và tương đương.

Sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở, chi cục và tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, thuộc Chi cục và tương đương; chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở xây dựng Đề án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính gửi Sở Nội vụ thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những nội dung quy định tại Điều 5 Quy định này theo đúng quy định, hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương.

b) Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện

Trình Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện. Cho ý kiến về việc ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ cung cấp dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo dưới 70% chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu có) theo quy định của Pháp luật.

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 5 Quy định này.

Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh; phê duyệt Đề án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

Quyết định ban hành quy chế làm việc của cơ quan; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các phòng, ban chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; quyết định cụ thể số lượng Phó Trưởng phòng của từng phòng theo quy định.

c) Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

Quyết định thành lập đối với trường mầm non công lập, trường phổ thông công lập (trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở); Quyết định cho phép thành lập đối với trường mầm non tư thục, trường phổ thông tư thục (trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở).

2. Về vị trí việc làm

a) Các Sở

Xây dựng Đề án vị trí việc làm và Đề án điều chỉnh vị trí việc làm trong cơ quan hành chính theo quy định của pháp luật, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên xây dựng Đề án vị trí việc làm và Đề án điều chỉnh vị trí việc làm trong theo quy định của pháp luật, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Hướng dẫn người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm và Đề án điều chỉnh vị trí việc làm trong đơn vị.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn như đối với các sở quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Quy định này.

3. Về biên chế

a) Các Sở

Xây dựng báo cáo kết quả công tác sử dụng biên chế và đề xuất Kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc và lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3, nhóm 4 thuộc thẩm quyền quản lý gửi Sở Nội vụ thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Quản lý, sử dụng, thống kê, báo cáo về chỉ tiêu biên chế công chức, số lượng người làm việc và lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3, nhóm 4 thuộc thẩm quyền quản lý được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao theo quy định.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn như đối với các sở quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Quy định này.

Cho ý kiến về việc ký kết hợp đồng lao động thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ cung cấp dịch vụ công không sử dụng ngân sách Nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo dưới 70% chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ

1. Thẩm định đối với các dự thảo văn bản:

a) Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác về cơ quan thẩm định);

c) Thành lập, kiện toàn, sáp nhập, giải thể tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật;

d) Thẩm định, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện phân loại, xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập của địa phương theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh;

2. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn cùng cấp trong việc trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh những nội dung quy định tại điểm a, b, đ khoản 1 và khoản 2, khoản 3 Điều 4 và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 6 Quy định này.

4. Thông báo, hướng dẫn việc quản lý sử dụng chỉ tiêu biên chế công chức, số lượng người làm việc và lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ cho các cơ quan, đơn vị.

5. Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng biên chế, số lượng người làm việc và lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập

1. Về tổ chức bộ máy

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ

cấu tổ chức của đơn vị. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xếp hạng đơn vị và xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo quy định.

b) Xây dựng Đề án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt theo thẩm quyền quy định.

c) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thuộc và trực thuộc theo Đề án tự chủ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và đáp ứng các tiêu chí, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

d) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị không thuộc cơ cấu tổ chức các đơn vị cấu thành theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, khi đáp ứng các tiêu chí, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật; xây dựng phương án sắp xếp lại các đơn vị cấu thành trình cơ quan có thẩm quyền quyết định.

đ) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên xây dựng phương án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của đơn vị trình cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Về vị trí việc làm

a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Xây dựng Đề án vị trí việc làm, Đề án điều chỉnh vị trí việc làm tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị quyết định phê duyệt.

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập có Hội đồng quản lý thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải trình Hội đồng quản lý thông qua trước khi quyết định phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Xây dựng Đề án vị trí việc làm và Đề án điều chỉnh vị trí việc làm báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

3. Về số lượng người làm việc

a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Căn cứ Đề án tự chủ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xây dựng Kế hoạch số lượng người làm việc tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt số lượng người làm việc.

Quyết định số lượng và bố trí, sử dụng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ và hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên xây dựng, báo cáo cơ quan có thẩm quyền Kế hoạch số lượng người làm việc hưởng hưởng từ ngân sách nhà nước và số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp; đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên xây dựng Kế hoạch số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Thực hiện bố trí, sử dụng số lượng người làm việc và lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, đơn vị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao theo quy định.

c) Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ về tình hình quản lý, sử dụng số lượng người làm việc và lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, đơn vị theo quy định.

Mục 2

TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ CÔNG CHỨC

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Tuyển dụng công chức

Ban hành Kế hoạch tuyển dụng công chức.

2. Sử dụng và quản lý công chức

a) Ban hành Đề án, Kế hoạch, tổ chức thi hoặc xét nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương trở xuống; quyết định cử công chức tham dự kỳ thi nâng ngạch.

b) Quyết định bổ nhiệm ngạch, xếp lương đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ; Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương.

c) Quyết định phê duyệt quy hoạch, kế hoạch luân chuyển công chức giữ chức vụ lãnh đạo diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý được quy định tại Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

d) Quyết định nghỉ hưu đối với công chức thuộc diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý; diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy quyết định thuộc khối nhà nước.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Tuyển dụng công chức

Quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức, Hội đồng kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm công chức; công nhận kết quả thi tuyển, xét tuyển công chức; công nhận kết quả kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm công chức; ban hành văn bản đồng ý tiếp nhận vào làm công chức để bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý.

2. Sử dụng và quản lý công chức

a) Thực hiện Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu, cách chức, miễn nhiệm, từ chức, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, xử lý kỷ luật và thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách khác đối với công chức lãnh đạo diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Thường vụ ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy quản lý thuộc khối nhà nước.

b) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu, cách chức, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, xử lý kỷ luật và bố trí, phân công công tác sau luân chuyển đối với công chức lãnh đạo diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

c) Quyết định thành lập Hội đồng thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương trở xuống; công nhận kết quả thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương trở xuống.

d) Quyết định bổ nhiệm và xếp lương đối với công chức trúng tuyển trong kỳ nâng ngạch đối với ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ.

đ) Quyết định cử công chức dự thi nâng ngạch vào các ngạch thanh tra; quyết định thành lập Hội đồng xét chuyển ngạch thanh tra; quyết định bổ nhiệm vào ngạch Thanh tra viên, Thanh tra viên chính.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Đối với Sở

a) Tuyển dụng công chức

Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế được giao đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) tuyển dụng công chức hoặc tiếp nhận vào làm công chức.

b) Tiếp nhận, điều động, biệt phái công chức

Đề nghị Sở Nội vụ quyết định tiếp nhận công chức từ cơ quan Trung ương, tỉnh ngoài, lực lượng vũ trang (mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, công nhân công an), khối Đảng, Đoàn thể trong tỉnh về công tác tại các Sở; Quyết định điều động công chức đang công tác tại các Sở thuộc tỉnh đi tỉnh ngoài, cơ quan trung ương, sang khối Đảng, Đoàn thể thuộc tỉnh.

Đề nghị Sở Nội vụ hiệp y đề Giám đốc Sở quyết định tiếp nhận, điều động, biệt phái công chức giữa các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.

Quyết định điều động, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức thuộc thẩm quyền quản lý; xây dựng kế hoạch luân chuyển và quyết định luân chuyển công chức lãnh đạo, quản lý đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý.

c) Xây dựng quy hoạch công chức giữ chức vụ lãnh đạo thuộc thẩm quyền quản lý; xây dựng quy hoạch công chức giữ chức vụ lãnh đạo diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý gửi Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

d) Các sở quyết định phê duyệt quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu, cách chức, miễn nhiệm, từ chức, điều động, khen thưởng, xử lý kỷ luật, nghỉ hưu và giải quyết chế độ chính sách đối với công chức và công chức giữ chức vụ lãnh đạo thuộc thẩm quyền quản lý, gồm: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở; Phó Chi cục trưởng, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi cục thuộc Sở (sau đây gọi tắt là công chức giữ chức vụ lãnh đạo thuộc thẩm quyền quản lý). Chánh Thanh tra sở do Giám đốc sở bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, điều động, luân chuyển, biệt phái sau khi tham khảo ý kiến của Chánh Thanh tra tỉnh.

đ) Phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu, cách chức, miễn nhiệm, từ chức, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, xử lý kỷ luật đối với công chức lãnh đạo diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

e) Quyết định nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung và quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức thuộc phạm vi quản lý (sau khi có văn bản hiệp y của Sở Nội vụ).

g) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) quyết định cử công chức đi dự thi, xét nâng ngạch lên ngạch chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương, cử công chức tham dự các kỳ thi nâng ngạch do Bộ quản lý chuyên ngành tổ chức.

h) Đề nghị chuyển ngạch công chức khi thay đổi vị trí việc làm theo quy định; nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung công chức diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

i) Thông báo nghỉ hưu, quyết định nghỉ hưu, quyết định cho thôi việc, quyết định kỷ luật công chức và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với công chức thuộc quyền quản lý.

k) Thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng công chức lãnh đạo diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và công chức thuộc thẩm quyền quản lý; thực hiện chế độ báo cáo, thống kê và quản lý hồ sơ công chức theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và các quy định có liên quan của bộ quản lý chuyên ngành. Ký kết hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan hành chính theo quy định; thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Tuyển dụng công chức

Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế được giao đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) tuyển dụng công chức hoặc tiếp nhận vào làm công chức.

b) Xây dựng quy hoạch công chức giữ chức vụ lãnh đạo, kế hoạch luân chuyển thuộc thẩm quyền quản lý.

c) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) quyết định cử công chức đi dự thi, xét nâng ngạch lên ngạch chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương, cử công chức tham dự các kỳ thi nâng ngạch do Bộ quản lý chuyên ngành tổ chức.

d) Thông báo nghỉ hưu, quyết định nghỉ hưu, quyết định cho thôi việc; thực hiện chế độ báo cáo, thống kê và quản lý hồ sơ công chức theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và các quy định có liên quan của bộ quản lý chuyên ngành; thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

đ) Quyết định nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung và quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức thuộc phạm vi quản lý (sau khi có văn bản hiệp ý của Sở Nội vụ).

3. Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Đề nghị Sở Nội vụ quyết định tiếp nhận công chức từ cơ quan Trung ương, tỉnh ngoài, lực lượng vũ trang (mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, công nhân công an), khối Đảng, Đoàn thể trong tỉnh về công tác tại Ủy ban nhân dân cấp huyện; Quyết định điều động công chức đang công tác tại Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc tỉnh đi tỉnh ngoài, cơ quan trung ương, sang khối Đảng, Đoàn thể thuộc tỉnh.

b) Đề nghị Sở Nội vụ hiệp ý để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiếp nhận, điều động, biệt phái công chức giữa các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.

c) Quyết định điều động, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức thuộc thẩm quyền quản lý; quyết định luân chuyển công chức lãnh đạo, quản lý đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý.

d) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu, cách chức, miễn nhiệm, từ chức, điều động, luân chuyển, bố trí, phân công công tác sau luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, xử lý kỷ luật và giải quyết chế độ chính sách đối với công chức và công chức giữ chức vụ lãnh đạo thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định phân cấp của Huyện ủy, Thành ủy.

đ) Đề nghị chuyển ngạch công chức khi thay đổi vị trí việc làm theo quy định; thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

e) Thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng công chức thuộc thẩm quyền quản lý; ký kết hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan hành chính theo quy định; các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 9, Điều 10 và thực hiện các quy định tại Điều 11 Quy định này.

2. Quyết định tuyển dụng công chức, nâng ngạch công chức sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận, phê duyệt kết quả tuyển dụng, kết quả thi nâng ngạch.

3. Tiếp nhận, điều động, biệt phái công chức

a) Theo đề nghị của Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện Quyết định tiếp nhận công chức từ cơ quan Trung ương, tỉnh ngoài, lực lượng vũ trang (mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, công nhân công an), khối Đảng, Đoàn thể trong tỉnh về công tác tại Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện; quyết định điều động công chức đang công tác tại cơ quan nhà nước thuộc tỉnh đi tỉnh ngoài, cơ quan Trung ương, sang khối đảng, đoàn thể thuộc tỉnh.

b) Hiệp y đề Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện Quyết định tiếp nhận, điều động, biệt phái công chức giữa các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.

4. Thực hiện chế độ chính sách:

a) Quyết định bổ nhiệm vào ngạch đối với công chức hoàn thành chế độ tập sự theo quy định. Hủy bỏ quyết định tuyển dụng công chức trong trường hợp người tập sự không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự hoặc có hành vi vi phạm đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

b) Thông báo nghị đề hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đối với công chức diện UBND tỉnh quản lý; hiệp y đề Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng bậc lương trước thời hạn cho công chức.

c) Quyết định chuyển ngạch, bổ nhiệm ngạch, xếp lương cho cán bộ, công chức từ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương trở xuống; quyết định bổ nhiệm ngạch, xếp lương, nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức giữ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương trở xuống thuộc diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

5. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê hàng năm ngành Nội vụ theo quy định.

Mục 3

TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ VIÊN CHỨC

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Ban hành Đề án, Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng I, lên hạng II; phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng III, lên hạng IV (trừ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A2 và từ hạng II trở xuống trong đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên).

2. Phê duyệt quy hoạch viên chức giữ chức vụ lãnh đạo diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý được quy định tại Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

3. Quyết định bổ nhiệm, xếp lương chức danh nghề nghiệp hạng I, quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 (trừ viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 trở xuống trong đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý).

4. Quyết định nghỉ hưu đối với viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Thường vụ ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy quản lý thuộc khối nhà nước và viên chức diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Thực hiện Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, điều động, biệt phái, xử lý kỷ luật và thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Thường vụ ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy quản lý thuộc khối nhà nước.

2. Ban hành Văn bản đồng ý đề Giám đốc các sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm viên chức.

3. Quyết định cử viên chức tham dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tổ chức; quyết định thành lập Hội đồng, danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự thăng hạng, công nhận kết quả thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng I, lên hạng II, quyết định bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I (trừ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A2 và từ hạng II trở xuống trong đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên). Quyết định xét thăng hạng đặc cách đối với viên chức theo quy định.

4. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến khi đủ tuổi nghỉ hưu; thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm; điều động, biệt phái; kỷ luật đối với viên chức thuộc diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

Cho ý kiến bằng văn bản đề Giám đốc các Sở quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến khi đủ tuổi nghỉ hưu; thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm; điều động, biệt phái; kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập được xếp hạng thuộc Sở có mức phụ cấp dưới 0,7; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Đối với Sở

a) Tuyển dụng viên chức:

Quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức; Quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm viên chức.

Xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức đề nghị Sở Nội vụ phê duyệt; tổ chức tuyển dụng đề nghị Sở Nội vụ phê duyệt kết quả tuyển dụng.

Quyết định tuyển dụng viên chức; bố trí, phân công công tác về các đơn vị sự nghiệp công lập; giao thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập ký kết hợp đồng làm việc theo quy định.

b) Ký hợp đồng làm việc với viên chức quản lý là người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

c) Tiếp nhận, bố trí, phân công công tác, biệt phái viên chức

Đề nghị Sở Nội vụ quyết định tiếp nhận viên chức từ cơ quan Trung ương, tỉnh ngoài, lực lượng vũ trang, khối Đảng, Đoàn thể trong tỉnh về công tác tại đơn vị sự nghiệp thuộc Sở nhưng phải phù hợp với chức danh nghề nghiệp và vị trí việc làm; đề nghị cho viên chức thuộc phạm vi quản lý chuyên công tác đi tỉnh ngoài, cơ quan Trung ương, sang khối đảng, đoàn thể thuộc tỉnh.

Đề nghị Sở Nội vụ hiệp y để Giám đốc Sở quyết định chuyên công tác, tiếp nhận, bố trí phân công công tác cho viên chức giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Trên cơ sở nhu cầu của các đơn vị trực thuộc quyết định chuyển công tác viên chức giữa các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý.

Quyết định biệt phái viên chức trong phạm vi quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp theo quy định tại Điều 18 Quy định này); đề nghị Sở Nội vụ Quyết định biệt phái viên chức giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

d) Xây dựng quy hoạch viên chức lãnh đạo diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý gửi Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Xây dựng quy hoạch viên chức lãnh đạo thuộc thẩm quyền quản lý đối với chức danh trưởng, phó các đơn vị sự nghiệp công lập mà không thuộc các chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý, Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý (sau đây gọi tắt là viên chức giữ chức vụ lãnh đạo thuộc thẩm quyền quản lý); quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến khi đủ tuổi nghỉ hưu; thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm; bố trí, phân công công tác; biệt phái; khen thưởng, xử lý kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với viên chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo thuộc thẩm quyền quản lý.

đ) Phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến khi đủ tuổi nghỉ hưu; thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm; bố trí, phân công công tác; biệt phái; khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với viên chức diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

e) Thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ): Phê duyệt Đề án thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng I, lên hạng II, lên hạng III, lên hạng IV; cử viên chức tham dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định; nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét thăng hạng đặc cách viên chức theo quy định.

Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý; nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý sau khi có văn bản hiệp y của Sở Nội vụ (trừ viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương A3).

Quyết định chuyển viên chức từ chức danh nghề nghiệp này sang chức danh nghề nghiệp khác trong cùng hạng (từ hạng III trở xuống).

Quyết định thành lập Hội đồng, ban hành Kế hoạch thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng III, lên hạng IV; quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng III, lên hạng IV sau khi Sở Nội vụ phê duyệt.

g) Đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý; đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

h) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp khi hết thời gian tập sự hoặc hủy bỏ quyết định tuyển dụng viên chức không hoàn thành chế độ tập sự.

i) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê; việc lập, quản lý hồ sơ viên chức thuộc phạm vi quản lý; các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Tuyển dụng viên chức

Xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức đề nghị Sở Nội vụ phê duyệt; tổ chức tuyển dụng; đề nghị Sở Nội vụ phê duyệt kết quả tuyển dụng.

b) Xây dựng quy hoạch viên chức lãnh đạo thuộc thẩm quyền quản lý.

c) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ): Phê duyệt Đề án thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng III, lên hạng IV. Ban hành Kế hoạch thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng III, lên hạng IV.

d) Thông báo nghỉ hưu, quyết định nghỉ hưu, quyết định cho thôi việc; hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; thực hiện chế độ báo cáo, thống kê; thực hiện việc lập, quản lý hồ sơ viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

đ) Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý; nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý sau khi có văn bản hiệp y của Sở Nội vụ (trừ viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I).

e) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê; việc lập, quản lý hồ sơ viên chức thuộc phạm vi quản lý; thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức; Quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm viên chức.

b) Quyết định tuyển dụng viên chức; bố trí, phân công công tác về các đơn vị sự nghiệp công lập; giao thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập ký kết hợp đồng làm việc theo quy định. Ký hợp đồng làm việc với viên chức quản lý là người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

c) Đề nghị Sở Nội vụ quyết định tiếp nhận viên chức từ cơ quan Trung ương, tỉnh ngoài, lực lượng vũ trang, khối Đảng, Đoàn thể trong tỉnh về công tác tại đơn vị sự nghiệp Ủy ban nhân dân cấp huyện nhưng phải phù hợp với chức danh nghề nghiệp và vị trí việc làm; đề nghị cho viên chức thuộc phạm vi quản lý chuyên công tác đi tỉnh ngoài, cơ quan Trung ương, sang khối đảng, đoàn thể thuộc tỉnh.

d) Đề nghị Sở Nội vụ hiệp y để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chuyển công tác, tiếp nhận, bố trí phân công công tác cho viên chức giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Trên cơ sở nhu cầu của các đơn vị trực thuộc quyết định chuyển công tác viên chức giữa các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý.

đ) Cử biệt phái, quyết định biệt phái viên chức trong phạm vi quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp theo quy định tại Điều 18 Quy định này); đề nghị Sở Nội vụ Quyết định biệt phái viên chức giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

e) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến khi đủ tuổi nghỉ hưu; thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm; bố trí, phân công công tác; biệt phái; khen thưởng, xử lý kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với viên chức, viên quản lý thuộc thẩm quyền theo quy định phân cấp của Huyện ủy, Thành ủy.

g) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ): Cử viên chức tham dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định; nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét thăng hạng đặc cách viên chức theo quy định.

h) Quyết định thành lập Hội đồng, quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng III, lên hạng IV sau khi Sở Nội vụ phê duyệt. Quyết định chuyển viên chức từ chức danh nghề nghiệp này sang chức danh nghề nghiệp khác trong cùng hạng (từ hạng III trở xuống).

i) Đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức thuộc thẩm quyền quản lý; quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp khi hết thời gian tập sự hoặc hủy bỏ quyết định tuyển dụng viên chức không hoàn thành chế độ tập sự; thực hiện các nhiệm vụ khác cho viên chức theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 13, Điều 14, thực hiện các quy định tại Điều 15 Quy định này.

2. Phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng, công nhận kết quả tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Tiếp nhận, bố trí, phân công công tác, biệt phái viên chức

a) Theo đề nghị của Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiếp nhận viên chức từ cơ quan Trung ương, tỉnh ngoài, lực lượng vũ trang, khối Đảng, Đoàn thể trong tỉnh về công tác tại Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện nhưng phải đảm bảo quy định về cơ cấu viên chức, yêu cầu của vị trí việc làm và hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; quyết định chuyển công tác đối với viên chức đang công tác tại Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện đi tỉnh ngoài, cơ quan Trung ương, khối Đảng, Đoàn thể trong tỉnh; quyết định biệt phái viên chức giữa các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

b) Hiệp y đề Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiếp nhận, chuyển công tác đối với viên chức giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

c) Phê duyệt Kế hoạch thăng hạng, công nhận kết quả thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng III, lên hạng IV. Quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng II sau khi có quyết định công nhận kết quả của cấp có thẩm quyền. Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị quyết định chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II.

4. Hiệp y nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức theo đề nghị của các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện. Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng bậc lương trước thời hạn (trừ thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo) và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với viên chức diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

5. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê ngành Nội vụ theo quy định.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Đề nghị Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tuyển dụng viên chức. Các đơn vị: Nhà hát chèo thuộc Sở Văn hóa và Thể thao, Trường trung học phổ thông chuyên Lương Văn Tụy thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở chỉ tiêu biên chế được giao xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức trình Sở chủ quản gửi Sở Nội vụ phê duyệt và trực tiếp tuyển dụng viên chức theo quy định.

2. Đề nghị Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận viên chức từ cơ quan Trung ương, tỉnh ngoài, lực lượng vũ trang, khối Đảng, Đoàn thể trong tỉnh về công tác tại đơn vị nhưng phải đảm bảo quy định về cơ cấu viên chức, yêu cầu của vị trí việc làm và hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; đề nghị cho viên chức thuộc phạm vi quản lý chuyển công tác đi tỉnh ngoài, cơ quan Trung ương, lực lượng vũ trang, khối Đảng, Đoàn thể thuộc tỉnh.

3. Đề nghị Sở phê duyệt quy hoạch viên chức giữ chức vụ lãnh đạo thuộc thẩm quyền quản lý của Sở. Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến khi đủ tuổi nghỉ hưu, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với viên chức giữ chức vụ Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở.

4. Đề nghị Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện cử viên chức tham dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Bố trí, phân công công tác; đánh giá, xếp loại chất lượng; khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

6. Trên cơ sở quyết định tuyển dụng của Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện người đứng đầu đơn vị sự nghiệp ký hợp đồng làm việc theo quy định. Tổ chức đánh giá kết quả tập sự của viên chức báo cáo Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương cho viên chức được tuyển dụng. Chấm dứt hợp đồng làm việc theo quy định.

7. Thực hiện việc lập hồ sơ và lưu giữ hồ sơ cá nhân của viên chức thuộc phạm vi quản lý; thực hiện chế độ thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng đội ngũ viên chức theo quy định.

8. Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp ký kết hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ; hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên

1. Tuyển dụng viên chức: Trên cơ sở Đề án tự chủ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, khả năng cân đối tài chính, người đứng đầu đơn vị căn cứ vào Đề án vị trí việc làm để thực hiện việc tuyển dụng viên chức theo quy định.

Trường hợp không đủ điều kiện để tổ chức tuyển dụng viên chức, đơn vị đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc tuyển dụng.

2. Quyết định tiếp nhận, chuyển công tác, biệt phái viên chức có chức danh nghề nghiệp từ hạng I xếp lương loại A2 và từ hạng II trở xuống từ cơ quan Trung ương, tỉnh ngoài, lực lượng vũ trang, khối Đảng, Đoàn thể trong tỉnh về công tác tại đơn vị; bố trí, phân công nhiệm vụ và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của viên chức.

3. Đề nghị Sở phê duyệt quy hoạch viên chức giữ chức vụ lãnh đạo thuộc thẩm quyền quản lý của Sở. Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến khi đủ tuổi nghỉ hưu, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với viên chức giữ chức vụ Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở.

4. Đề nghị Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo cấp có thẩm quyền cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3; quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 trở xuống thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, quyết định bổ nhiệm, xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A2 và từ hạng II trở xuống thuộc phạm vi quản lý. Thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng; khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

6. Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương cho viên chức đạt yêu cầu sau thời gian tập sự.

7. Ký kết hợp đồng làm việc, chấm dứt hợp đồng làm việc; ký hợp đồng vụ, việc đối với viên chức đã nghỉ hưu; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp ký kết hợp đồng thực hiện các công việc hỗ trợ, phục vụ, công việc chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

8. Thực hiện việc lập hồ sơ và lưu giữ hồ sơ cá nhân của viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

9. Thống kê và báo cáo Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện về số lượng, chất lượng đội ngũ viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

Mục 4

NGƯỜI QUẢN LÝ TRONG CÁC CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN 100% VỐN NHÀ NƯỚC, CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ NƯỚC NĂM TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ VÀ QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NINH BÌNH

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quản lý các chức vụ, chức danh được quy định tại khoản 1, 4 mục III Phụ lục kèm theo Quy định này.

2. Quyết định đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với các chức vụ, chức danh quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Cho ý kiến trước khi Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với các chức danh được quy định tại khoản 2 Mục III Phụ lục kèm theo Quy định này.

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu, cách chức, miễn nhiệm, từ chức, điều động, biệt phái, xử lý kỷ luật,

ngỉ hưu và thực hiện chế độ chính sách đối với người quản lý doanh nghiệp thuộc diện Ban Thường vụ và Ban Thường vụ ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy quản lý.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ; công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh, công ty cổ phần nhà nước nắm trên 50% vốn điều lệ và Quỹ Đầu tư và Phát triển Ninh Bình (sau đây gọi chung là doanh nghiệp nhà nước)

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 19 và các nhiệm vụ tại Điều 20 Quy định này.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của doanh nghiệp nhà nước

a) Xây dựng quy hoạch các chức danh lãnh đạo diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy quản lý gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổng hợp báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định; xây dựng quy hoạch các chức danh lãnh đạo diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý gửi Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

b) Quyết định phê duyệt quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, kéo dài thời gian giữ chức vụ, đánh giá, giải quyết thôi việc, nghỉ hưu đối với người lao động thuộc thẩm quyền quản lý, thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với lao động theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật theo quy định.

c) Thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động thuộc quyền quản lý theo quy định.

Mục 5

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ HỘI, QUỸ

Điều 22. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Cho ý kiến bằng văn bản về việc thành lập, sáp nhập, chia, tách, hợp nhất, giải thể, đổi tên hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, hội có phạm vi hoạt động trong huyện, thành phố (trừ các hội cấp tỉnh: Hội Văn học - Nghệ thuật, Hội Chữ thập đỏ, Hội Nhà báo, Hội Luật gia, Liên minh Hợp tác xã, Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật); về việc cho phép tổ chức đại hội, phê duyệt điều lệ hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, hội có phạm vi hoạt động trong huyện, thành phố.

2. Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ có thời hạn hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn; mở rộng phạm vi hoạt động và kiện toàn, chuyển đổi quỹ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; thu hồi giấy phép thành lập đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh, trừ trường hợp Quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập, hoạt động trong phạm vi tỉnh.

3. Quản lý và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh Phó Chủ tịch các hội cấp tỉnh được giao biên chế.

4. Thực hiện Thông báo của Thường trực Tỉnh ủy về thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh Chủ tịch các hội cấp tỉnh được giao biên chế.

Điều 23. Nhiệm vụ quyền hạn của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Sở quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội dự kiến hoạt động quyết định công nhận Ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện Quyết định công nhận Ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong huyện, thành phố; Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, giải thể, đổi tên, đại hội, phê duyệt điều lệ hoạt động các hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý các chức danh Phó Chủ tịch các hội được giao biên chế hoạt động trong phạm vi huyện, thành phố.

Điều 24. Nhiệm vụ quyền hạn của Sở Nội vụ

Căn cứ ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, giải thể, đổi tên, đại hội, phê duyệt điều lệ các hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh và trong huyện, thành phố theo quy định.

Điều 25. Nhiệm vụ của các Hội, Quĩ

1. Chấp hành các quy định của Pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của hội và điều lệ hội, quĩ.

2. Hàng năm các hội, quĩ phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của hội, quĩ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực mà hội, quĩ hoạt động chậm nhất ngày 01/12 hàng năm.

3. Quản lý, thực hiện chế độ chính sách đối với những người làm việc tại hội, quĩ thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

Mục 6

XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VÀ QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ, NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ, Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Xây dựng chính quyền địa phương

a) Trình cấp có thẩm quyền quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới và đặt tên, đổi tên các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; phân loại, điều chỉnh bổ sung phân loại và phân loại lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp tỉnh.

b) Tổ chức thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp theo quy định của pháp luật.

c) Quyết định ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chính quyền cơ sở và kế hoạch xây dựng chính quyền cơ sở “trong sạch, vững mạnh” trên địa bàn tỉnh.

d) Quyết định chủ trương về việc phân loại, điều chỉnh bổ sung phân loại và phân loại lại đơn vị hành chính cấp xã.

đ) Quyết định chủ trương về việc thành lập thôn, tổ dân phố; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn, tổ dân phố. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc thành lập, giải thể, nhập, chia tách thôn, tổ dân phố; đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố ở địa phương.

2. Quản lý cán bộ, công chức cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố:

a) Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; việc kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia vào công việc ở thôn, tổ dân phố và mức phụ cấp kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia vào công việc ở thôn, tổ dân phố.

b) Hàng năm, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định số lượng cán bộ, công chức cấp xã; số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đối với từng đơn vị hành chính cấp huyện thuộc phạm vi quản lý.

c) Ban hành quy chế tuyển dụng công chức cấp xã; Quyết định ngành đào tạo phù hợp đối với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã trong từng kỳ tuyển dụng.

d) Quy định tiêu chuẩn cụ thể của từng chức vụ cán bộ cấp xã và từng chức danh công chức cấp xã; quy định cụ thể việc quản lý, sử dụng đối với từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Giới thiệu đề Hội đồng nhân dân tỉnh bầu Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Quyết định về việc điều động, cách chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong trường hợp khuyết Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân cùng cấp.

3. Quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ công tác đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và người có chức vụ, quyền hạn do mình bổ nhiệm, quản lý trực tiếp.

4. Quyết định việc phân loại, điều chỉnh bổ sung phân loại và phân loại lại đơn vị hành chính cấp xã; Quyết định việc chuyển thôn thành tổ dân phố thuộc

phường, thị trấn sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã.

Điều 28. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ

1. Xây dựng chính quyền địa phương:

a) Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung theo thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 26 của Quy định này.

b) Chủ trì, tham mưu cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp theo đúng luật định.

c) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chính quyền cơ sở và kế hoạch xây dựng chính quyền cơ sở “trong sạch, vững mạnh” trên địa bàn tỉnh.

d) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền về nhân sự trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Thẩm định hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giới thiệu nhân sự để HĐND tỉnh bầu Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh; phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; điều động, cách chức, tạm đình chỉ công tác đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

đ) Thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc phân loại, điều chỉnh bổ sung phân loại và phân loại lại đơn vị hành chính cấp xã; Quyết định việc chuyển thôn thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh việc lưu trữ và quản lý hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp theo quy định.

2. Quản lý cán bộ, công chức cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố:

a) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung theo thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 26 của Quy định này.

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các nội dung theo thẩm quyền quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 26 của Quy định này.

c) Hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện về quy trình tuyển dụng công chức cấp xã và hiệp y xếp lương công chức cấp xã đối với người trúng tuyển.

d) Cho ý kiến bằng văn bản việc tiếp nhận, chuyển công tác đối với cán bộ, công chức cấp xã và tiếp nhận vào làm công chức cấp xã.

đ) Hiệp y xếp chức danh, xếp lương, chuyển xếp lương, nâng bậc lương trước thời hạn và thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã.

e) Tổng hợp, thống kê số lượng, chất lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, đại biểu Hội đồng nhân dân, thành viên Ủy ban nhân dân các cấp theo quy định.

Điều 29. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Xây dựng chính quyền địa phương:

a) Xây dựng, hoàn chỉnh hồ sơ, đề án để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua và trình cấp có thẩm quyền quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới và đổi tên các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; phân loại, điều chỉnh bổ sung phân loại và phân loại lại đơn vị hành chính cấp huyện; Trình Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương về việc phân loại, điều chỉnh bổ sung phân loại và phân loại lại đơn vị hành chính cấp xã; Xây dựng, hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc phân loại, điều chỉnh bổ sung phân loại và phân loại lại đơn vị hành chính cấp xã. Thực hiện việc lưu trữ, quản lý hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính cấp huyện, cấp xã theo quy định.

b) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương về việc thành lập thôn, tổ dân phố; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn, tổ dân phố. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thành lập, giải thể, nhập, chia thôn, tổ dân phố và đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố.

c) Xem xét, thông qua và giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định về việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có liền kề.

d) Tổ chức thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

đ) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; kết quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và công tác dân vận chính quyền, báo cáo tổng kết công tác xây dựng chính quyền hàng năm.

2. Quản lý cán bộ, công chức cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố:

a) Lập kế hoạch, quy hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; Tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo đúng quy định.

b) Hàng năm, quyết định số lượng cụ thể cán bộ, công chức ở từng đơn vị hành chính cấp xã và bố trí số lượng công chức của từng chức danh công chức cấp xã theo đúng quy định; Quyết định chức danh được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm trong trường hợp số lượng chức danh bố trí kiêm nhiệm lớn hơn số lượng cán bộ, công chức cấp xã giảm được so với quy định. Quyết định số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã ở từng đơn vị hành chính cấp xã và bố trí số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng đơn vị hành chính cấp xã.

c) Quy định nhiệm vụ cụ thể của từng chức vụ cán bộ cấp xã và từng chức danh công chức cấp xã; quy định nhiệm vụ cụ thể của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định của pháp luật.

d) Quyết định tiếp nhận, điều động, chuyển công tác sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Nội vụ và thực hiện quản lý công chức cấp xã theo quy định; thực hiện cho thôi giữ chức vụ đối với cán bộ cấp xã, thôi việc

đôi với công chức cấp xã và nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức cấp xã theo quy định của pháp luật.

đ) Đề nghị Sở Nội vụ hiệp y xếp chức danh, xếp lương, nâng bậc lương trước thời hạn và thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã; Quyết định xếp bậc lương lần đầu đối với cán bộ giữ chức danh bầu cử ở cấp xã, quyết định xếp lương công chức cấp xã theo trình độ đào tạo sau khi có ý kiến của Sở Nội vụ.

e) Quyết định bố trí, sắp xếp, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý.

g) Hướng dẫn việc lập và quản lý hồ sơ cán bộ, công chức cấp xã. Thực hiện chế độ thông kê, báo cáo về quản lý, sử dụng biên chế cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách theo quy định.

Điều 30. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

2. Phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Quyết định về việc điều động, cách chức, tạm đình chỉ công tác đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong trường hợp khuyết Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân cùng cấp.

3. Quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khác đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và người có chức vụ, quyền hạn do mình bổ nhiệm, quản lý trực tiếp.

4. Quyết định về việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có liên kê.

Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Lập hồ sơ, đề án phân loại, điều chỉnh bổ sung phân loại và phân loại lại đơn vị hành chính cấp xã, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua, hoàn chỉnh hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định. Thực hiện việc lưu trữ, quản lý hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính cấp xã và quản lý hệ thống mốc địa giới hành chính các cấp trên địa bàn theo quy định.

2. Xây dựng Đề án trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua để hoàn chỉnh hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định việc thành lập, giải thể, nhập, chia thôn, tổ dân phố; đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố.

3. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định về việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có, liên kê.

4. Trực tiếp quản lý và sử dụng công chức cấp xã; nhận xét, đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với công chức cấp xã.

5. Thực hiện chế độ, chính sách, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; quy hoạch, tạo nguồn đối với công chức cấp xã.

6. Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định chức danh được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm trong trường hợp số lượng chức danh bố trí kiêm nhiệm lớn hơn số lượng cán bộ, công chức cấp xã giảm được theo quy định.

7. Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện xếp chức danh, xếp lương, chuyển xếp lương, nâng bậc lương trước thời hạn và thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã.

8. Đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp huyện về xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức cấp xã.

9. Báo cáo số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Lập và quản lý hồ sơ cán bộ, công chức cấp xã.

10. Quản lý, sử dụng, thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo quy định.

Điều 32. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Trình Hội đồng nhân dân cấp xã bầu chức danh Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Đánh giá, xếp loại người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã giúp việc cho chính quyền địa phương ở cấp xã.

3. Xem xét, quyết định kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện Quy định này.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Quỹ đầu tư và Phát triển tỉnh có trách nhiệm triển khai tổ chức thực hiện quy định này.

Điều 34. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị gửi văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) đề hướng dẫn, giải quyết hoặc tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.



PHỤ LỤC

Chức vụ, chức danh diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý

(Kèm theo Quyết định số: **25**.../2024/QĐ-UBND

ngày **15** tháng **3** năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

I. Chức vụ, chức danh công chức thuộc diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý

1. Phó Trưởng Ban Tiếp công dân tỉnh.
2. Phó Giám đốc Trung tâm hành chính công tỉnh;
3. Chi cục trưởng;

II. Chức vụ, chức danh viên chức thuộc diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý

1. Viện trưởng Viện Quy hoạch xây dựng thuộc Sở Xây dựng; Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế thuộc Sở Y tế; Hiệu trưởng Trường Trung cấp kinh tế - Kỹ thuật và Du lịch thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội;

2. Phó Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế thuộc Sở Y tế; Phó Viện trưởng Viện Quy hoạch xây dựng thuộc Sở Xây dựng; Phó Giám đốc các Ban: Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh, Quản lý dự án đầu tư xây dựng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh, Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh.

3. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập được xếp hạng thuộc Sở có hệ số phụ cấp chức vụ dưới 0,7; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập được xếp hạng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

III. Chức vụ, chức danh trong các doanh nghiệp nhà nước, Quỹ đầu tư và các Hội được giao chỉ tiêu biên chế diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ từ hạng III trở xuống; kiểm soát viên doanh nghiệp nhà nước do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ trở lên thuộc tỉnh; người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thuộc tỉnh;

2. Các chức danh Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến trước khi Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định gồm: Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ từ hạng III trở xuống; Phó Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước hạng II và tương đương trở lên, các doanh nghiệp liên doanh, Công ty Cổ phần có vốn nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

3. Các chức danh phó Chủ tịch các hội cấp tỉnh được giao biên chế.

4. Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng ban Kiểm soát Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Bình./.